

Điểm	Nhận xét	PHIẾU KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I Năm học: 2022 - 2023 Môn: Toán - Lớp 3 Thời gian làm bài: 40 phút
		
		

Họ và tên: Lớp: Trường:.....

I. Trắc nghiệm

Câu 1. (1 đ) Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng : *(Mức độ 1, Bài 1, trang 115- SGK)*

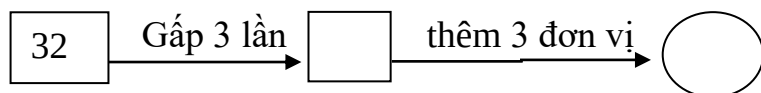
a) Tích của 432 và 2 là :

A. 921 B. 824 C. 654 **D. 864**

b) Số dư của phép chia $91:4$ là:

A. 2 **B. 3** C. 4 D. 5

Câu 2. (1 đ) Điền số thích hợp vào ô trống: *(Mức độ 2, Bài 1, trang 84, SGK)*



Câu 3. (1 đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống : *(Mức độ 1, Bài 3, trang 96, SGK)*

a) $480\text{ ml} + 120\text{ ml} = 602\text{ ml}$ ☐

b) $250\text{ l} \times 2 = 500\text{ l}$ ☐

c) $600\text{ g} : 6 = 10\text{ g}$ ☐

d) $545\text{ mm} - 45\text{ mm} = 180$ ☐

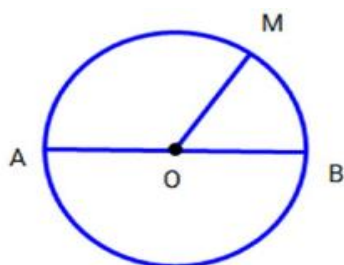
Câu 4 (1 đ): Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng

1. Hôm nay Nam bị ốm. Mẹ dùng nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể Nam thì thấy Nam bị sốt cao.

Nhiệt độ cơ thể Nam lúc này khoảng: *(Mức độ 1. Bài 4, trang 91- SGK)*

A. 25°C B. 37°C C. 28°C D. 39°C

2. Bán kính của hình tròn (như hình vẽ) là: *(Mức độ 1. Bài 1, trang 53- SGK)*



- A. OM
 B. AB
 C. OA, OB, OC
 D. AM, BM

Câu 5 (1 đ): *(Mức độ 3. Bài 3, trang 78 - SGK)*

Một lớp học có 29 học sinh. Mỗi bàn chỉ xếp chỗ ngồi cho 2 học sinh. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu bàn cho lớp học đó ?

A. 12 B. 13 C. 14 **D. 15**

II. Tự luận

Câu 1. (2 đ)

1. Đặt tính rồi tính *(Mức độ 1. Bài 1 , trang 98+102 - SGK)*

72 x 9

192 x 3

632 : 6

672 : 4

2. Tính giá trị biểu thức *(Mức độ 1. Bài 4 , trang 121 - SGK)*

a. $64 : 2 \times 6$

b. $(98 - 52) \times 3$

Câu 2. (2 đ) Gấu nâu có 1 thùng đựng 120ml mật ong và 4 can, mỗi can đựng 5 ml mật ong. Hỏi Gấu nâu có tất cả bao nhiêu mi- li- lít mật ong? *(Mức độ 2. Bài 35, trang 120 - SGK)*

Bài giải

Câu 3. (1 đ) *(Mức độ 3. Bài 1 , trang 98 - SGK)*

Tìm tích của số bé nhất có ba chữ số khác nhau với 6 ?

HIỆU TRƯỞNG